

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 04-02-2021.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Ngọc Hương.

Ông Võ Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 308/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1985, địa chỉ: ấp A, xã Tân Bình, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1986, địa chỉ: ấp P, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trần Thanh H là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ông H và bà T kết hôn và sống chung vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Nhật Tân (nay là xã Tân Bình), huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Ông H và bà T chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H và bà T không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Ông H và bà T không còn sống chung với nhau từ giữa năm 2008 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên ông H quyết định ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông H và bà T có 01 con chung tên Trần Thị Thảo Q, sinh ngày 13/02/2006, hiện nay con chung đang sống chung với ông H. Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T không có tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Huyền T đã được Toà án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Huyền T kết hôn với nhau vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Nhật Tân (nay là xã Tân Bình), huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Nay ông Trần Thanh H yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Huyền T, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Bà Nguyễn Thị Huyền T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Huyền T.

[3] Ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Huyền T chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H và bà T bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Các đương sự không hòa giải được mâu thuẫn làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Ông H và bà T không còn sống chung với nhau từ năm 2008 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H, cho ông H ly hôn với bà T.

[4] Về con chung: Ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Huyền T có 01 con chung tên Trần Thị Thảo Q, sinh ngày 13/02/2006, hiện nay con chung đang sống chung với ông H. Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của ông H phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[5] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ông Trần Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, bà Nguyễn Thị Huyền T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Thanh H, cho ông Trần Thanh H ly hôn với bà Nguyễn Thị Huyền T.

2. Về nuôi con chung: Ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Huyền T có 01 con chung tên Trần Thị Thảo Q, sinh ngày 13/02/2006, hiện nay con chung đang sống chung với ông Trần Thanh H. Khi ly hôn, giao ông Trần Thanh H trực tiếp nuôi con chung tên Trần Thị Thảo Q, bà Nguyễn Thị Huyền T không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị Huyền T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Trần Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Trần Thanh H đã nộp theo biên lai thu số 0000751, ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị Huyền T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Ông Trần Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Huyền T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án DS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Bình, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng